|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TƯ PHÁP**Số: /TTr-BTP | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội**

**về cơ chế xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật. Bộ Tư pháp kính trình Chính phủ dự thảo Nghị quyết như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

Trong thời gian vừa qua, Đảng ta đã có nhiều chủ trương, định hướng quan trọng trong việc tập trung giải pháp hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đề ra nhiệm vụ xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, đồng thời đặt ra nhiệm vụ *“hoàn thiện hệ thống pháp luật..., khắc phục những điểm nghẽn cản trở sự phát triển của đất nước”*.

Tiếp đó, Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09 tháng 11 năm 2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đặt ra yêu cầu: *“Tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật trên tất cả các lĩnh vực, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc, khơi dậy, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững của đất nước.”* (Mục IV.3).

Ý kiến phát biểu chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại Phiên khai mạc Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV, kết luận của đồng chí Tổng Bí thư tại buổi làm việc với Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp[[1]](#footnote-1), chỉ đạo của Chủ tịch Quốc hội[[2]](#footnote-2), Thủ tướng Chính phủ[[3]](#footnote-3), trong đó đề ra yêu cầu chủ động phát hiện và tháo gỡ nhanh nhất những “điểm nghẽn” có nguyên nhân từ các quy định của pháp luật.

Đặc biệt, ngày 30 tháng 4 năm 2025, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, đặt ra mục tiêu: *“Năm 2025, cơ bản hoàn thành việc tháo gỡ những “điểm nghẽn” do quy định pháp luật”* với nhiệm vụ, giải pháp: *“Đổi mới tư duy, định hướng xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực phát triển”, “**Tạo đột phá trong công tác thi hành pháp luật, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực và hiệu quả; gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và thi hành pháp luật,… trong đó, thường xuyên đánh giá hiệu quả của pháp luật sau ban hành, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và xây dựng cơ chế kịp thời nhận diện, xử lý tổng thể, đồng bộ, tháo gỡ nhanh nhất những “điểm nghẽn” có nguyên nhân từ quy định của pháp luật”.* Trên cơ sở Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 17 tháng 5 năm 2025, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 140/NQ-CP về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW, trong đó xác định nhiệm vụ rà soát và tổ chức thực hiện việc xử lý vướng mắc trong hệ thống pháp luật để bảo đảm thực hiện mục tiêu năm 2025 cơ bản hoàn thành việc tháo gỡ những “điểm nghẽn” do quy định pháp luật.

Theo Thông báo số 05-TB/BCĐTW ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật tại Phiên họp lần thứ nhất của Ban Chỉ đạo, đồng chí Tổng Bí thư đã chỉ đạo: (1) Yêu cầu tập trung rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật, nhất là những quy định có mâu thuẫn, chồng chéo, các quy định bất hợp lý, không khả thi, quy định không rõ ràng, tạo ra nhiều cách hiểu khác nhau trong hệ thống pháp luật. Đây là nhiệm vụ cấp bách, cần làm ngay, làm quyết liệt và làm đến nơi đến chốn; là mục tiêu, là mệnh lệnh chính trị; (2) Bổ sung vào chương trình, báo cáo Quốc hội xem xét, thông qua Nghị quyết của Quốc hội về xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật vào đợt 2, Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV.

Các nghị quyết, kết luận, quy định, chỉ đạo nêu trên là cơ sở chính trị quan trọng cho việc xây dựng dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật.

Khoản 1 Điều 52 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: *“Khi được cơ quan có thẩm quyền của Đảng đồng ý và trong trường hợp khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp hoặc xảy ra sự cố, thảm họa theo quy định của pháp luật về phòng thủ dân sự hoặc sự kiện bất khả kháng* ***hoặc các vấn đề cấp bách, quan trọng, cần thiết của đất nước,*** *Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong trường hợp đặc biệt”.* Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, ngày 05/6/2025, Đảng ủy Bộ Tư pháp đã báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật.

**2. Cơ sở thực tiễn**

Thời gian qua, Đảng, Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác xây dựng pháp luật. Hệ thống pháp luật nước ta từng bước được hoàn thiện theo hướng đồng bộ, công khai, minh bạch, dễ tiếp cận, cơ bản bao quát đầy đủ các lĩnh vực của đời sống xã hội, tạo nền tảng pháp lý quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế của đất nước. Tuy nhiên, thể chế, pháp luật vẫn là “điểm nghẽn của điểm nghẽn”, trở thành lực cản đối với yêu cầu phát triển của đất nước trong kỷ nguyên mới. Hệ thống pháp luật chưa đủ linh hoạt để tháo gỡ các vướng mắc từ thực tiễn. Tư duy xây dựng pháp luật chậm được đổi mới, không theo kịp với sự thay đổi nhanh chóng của tình hình mới. Một số chủ trương, định hướng lớn của Đảng chưa được thể chế hóa kịp thời, đầy đủ. Chất lượng pháp luật chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn. Vẫn còn quy định chồng chéo, mâu thuẫn, thiếu rõ ràng, cản trở việc thực thi, không thuận lợi cho việc thúc đẩy đổi mới sáng tạo, thu hút và khơi thông nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước. Việc phân quyền, phân cấp chưa triệt để, thủ tục hành chính còn rườm rà. Chậm nghiên cứu, ban hành chính sách, pháp luật điều chỉnh đối với những vấn đề mới phát sinh, chưa tạo khung khổ pháp lý thúc đẩy các động lực tăng trưởng mới.

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về phiên họp thường kỳ tháng 5 năm 2024, Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô, Nghị quyết số 97/NQ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về Phiên họp chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 6 năm 2024, Công điện của Thủ tướng Chính phủ, Kế hoạch hoạt động và Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp của Ban Chỉ đạo rà soát và tổ chức thực hiện việc xử lý vướng mắc trong hệ thống pháp luật (Ban Chỉ đạo), trong thời gian qua, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tham mưu, tổ chức thực hiện các hoạt động rà soát, xác định và đề xuất phương án xử lý các vướng mắc có tính chất cấp bách tại các văn bản quy phạm pháp luật. Từ năm 2024 đến nay, Bộ Tư pháp đã có 13 Báo cáo phục vụ 05 Phiên họp của Ban Chỉ đạo, tập trung vào rà soát, xác định điểm nghẽn trong các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến: (1) Sắp xếp tổ chức bộ máy, định hướng sửa đổi, bổ sung Hiến pháp và sắp xếp, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; phân cấp, phân quyền; cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; các quy định có tính chất hạn chế quyền, cơ chế “xin – cho”, tạo thành “rào cản”, gây phiền hà, sách nhiễu, khó khăn, tăng chi phí cho người dân và doanh nghiệp; (2) Tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn để thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô, khơi thông, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển, lấy đầu tư công, nguồn lực Nhà nước dẫn dắt và kích hoạt mọi nguồn lực hợp pháp khác, trong đó, cả vốn đầu tư nước ngoài; (3) Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia; (4) Các vướng mắc, bất cập trong quy định của pháp luật liên quan đến chuyển đổi xanh, kinh tế xanh…

Thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW, Nghị quyết số 40/NQ-CP, Kế hoạch hoạt động năm 2025 của Ban Chỉ đạo (ban hành kèm theo Quyết định số 47/QĐ-BCĐRSTCTHXLVMHTPL ngày 29 tháng 4 năm 2025), hiện nay, các bộ, ngành, địa phương đang tiếp tục rà soát và tổ chức thực hiện việc xử lý vướng mắc, tháo gỡ những “điểm nghẽn” do quy định pháp luật.

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã có các quy định cụ thể về việc rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, đề xuất sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật khi phát hiện các khó khăn, vướng mắc; đồng thời, quy định cơ chế sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản trong trường hợp cấp bách để giải quyết vấn đề phát sinh trong thực tiễn có thể thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn hoặc trình tự, thủ tục đặc biệt khi được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền. Tuy nhiên, các quy định này vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu giải quyết khó khăn, vướng mắc phát sinh nhanh, cấp bách từ thực tiễn, đặc biệt là trong một số lĩnh vực quan trọng để phát triển kinh tế và tăng trưởng như đầu tư công, xây dựng, đất đai, môi trường, tài chính, ngân sách…; khi có sự chồng chéo, xung đột pháp luật hoặc khi chưa có quy định hoặc quy định không rõ ràng. Chính phủ đã có nhiều biện pháp nhằm tháo gỡ những tồn tại, hạn chế nêu trên, tuy nhiên, thẩm quyền chỉ giới hạn trong việc xử lý các văn bản thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, đối với các vướng mắc do quy định của luật, nghị quyết, pháp luật thì chỉ Quốc hội hoặc Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi hoặc cho phép áp dụng cơ chế đặc biệt.

Để kịp thời đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, tại một số luật, nghị quyết của Quốc hội được ban hành trong thời gian vừa qua và một số dự án luật đang được trình Quốc hội khóa XV xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 9 đã bước đầu quy định theo hướng mở về cơ chế xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật trong một số lĩnh vực như tổ chức bộ máy, phân quyền, phân cấp, khoa học công nghệ, năng lượng nguyên tử. Cụ thể, tại Điều 32 Luật Tổ chức Chính phủ, Điều 50 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, Điều 74 của dự thảo Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Điều 72 của dự thảo Luật Năng lượng nguyên tử quy định cho phép Chính phủ được ban hành văn bản quy phạm pháp luật để điều chỉnh một số quy định có liên quan tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong thời gian luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa được sửa đổi, bổ sung nhằm giải quyết việc phân quyền, phân cấp đối với một số lĩnh vực ưu tiên, cấp bách, giải quyết vấn đề phát sinh khi sắp xếp tổ chức bộ máy, xử lý khó khăn, vướng mắc về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, năng lượng nguyên tử. Mặc dù trong thời gian thực hiện rất ngắn, nhưng các quy định nêu trên của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị quyết số 190/2025/QH15 đã phát huy hiệu quả trong thực tiễn, nhất là việc Chính phủ ban hành 28 nghị định để thực hiện phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền gắn với việc thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

Xuất phát từ cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc ban hành Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật là rất cần thiết, nhằm thiết lập cơ chế chính thức để xử lý các vướng mắc đang “không thể hoặc chưa thể” sửa bằng quy trình xây dựng pháp luật thông thường theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

**II. MỤC TIÊU BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

**1. Mục tiêu ban hành Nghị quyết**

Việc ban hành Nghị quyết nhằm tạo cơ sở pháp lý để kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật trong các lĩnh vực quan trọng, ưu tiên, cấp bách cần xử lý ngay để kịp thời khơi thông nguồn lực, thúc đẩy phát triển kinh tế, đưa pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh.

**2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết**

Thứ nhất, thể chế hóa đầy đủ, kịp thời chủ trương của Đảng trong việc xử lý những khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật để đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế trong kỷ nguyên mới.

Thứ hai, xây dựng quy trình đặc biệt để xử lý ngay một số vướng mắc, bất cập trong các quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội và một số trường hợp là pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội có tính cấp bách, quan trọng trong thời gian luật, nghị quyết của Quốc hội và pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa sửa đổi, bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ ba, bảo đảm việc kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; phòng, chống lợi ích nhóm, cục bộ trong quá trình xử lý các khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

1. Bộ Tư pháp đã thành lập Tổ soạn thảo xây dựng dự thảo Nghị quyết và tổ chức các họp để triển khai kế hoạch, phân công, chuẩn bị xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết.

2. Tổ chức các cuộc họp Tổ soạn thảo, các bộ, ngành, cơ quan có liên quan lấy ý kiến trực tiếp đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết[[4]](#footnote-4).

3. Gửi xin ý kiến góp ý các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan, tổng hợp nghiên cứu tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý để hoàn thiện dự thảo Nghị quyết.

4. Thực hiện thủ tục thẩm định dự thảo Nghị quyết và tiếp tục chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, xây dựng Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định theo Báo cáo thẩm định số 241/BCTĐ-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ Tư pháp.

5. Hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Bên cạnh đó, ngày 05/6/2025, Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật đã tổ chức Phiên họp thứ nhất, trong đó đã xem xét, cho ý kiến đối với dự thảo Kế hoạch chỉ đạo rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật (kèm theo hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật). Theo Thông báo số 05-TB/BCĐTW, đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo đề nghị báo cáo Quốc hội xem xét, thông qua Nghị quyết của Quốc hội về xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật vào đợt 2, Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV.

**IV. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ BỐ CỤC CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

**1. Về phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định về tiêu chí xác định, nguyên tắc, phương án, quy trình và trách nhiệm trong việc xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật.

**2. Bố cục của dự thảo Nghị quyết**

Nghị quyết được bố cục gồm 07 Điều, cụ thể như sau:

- Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

- Điều 2: Tiêu chí xác định khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật

- Điều 3: Nguyên tắc xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật

- Điều 4: Phương án xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật

- Điều 5: Quy trình xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật

- Điều 6: Tổ chức thực hiện

- Điều 7: Điều khoản thi hành

**V. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

**1.** **Việc thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước**

Trên cơ sở chủ trương, đường lối của Đảng về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, đổi mới công tác xây dựng pháp luật, yêu cầu chủ động phát hiện và tháo gỡ nhanh nhất những “điểm nghẽn” có nguyên nhân từ các quy định của pháp luật (như đã trình bày tại Mục I.1 của Tờ trình), dự thảo Nghị quyết đã thể chế hóa thành các quy định cụ thể về tiêu chí, nguyên tắc xử lý, phương án, quy trình và trách nhiệm trong việc xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật (nội dung này xin được báo cáo cụ thể và lồng ghép trong Mục V.2 của Tờ trình).

**2. Vấn đề chưa được pháp luật quy định hoặc đã có quy định nhưng chưa phù hợp; vướng mắc, bất cập từ thực tiễn**

***2.1. Về tiêu chí xác định khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật (Điều 2)***

Việc xác định khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật là bước đi đầu tiên, có ý nghĩa quan trọng, là cơ sở để đề xuất các phương án xử lý, tháo gỡ một cách hiệu quả và có trọng tâm.

Nhằm bảo đảm tính thống nhất trong việc nhận diện và áp dụng, Điều 2 của dự thảo Nghị quyết quy định cụ thể tiêu chí xác định khó khăn, vướng mắc do quy định pháp luật, làm cơ sở để sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật, từ đó tháo gỡ những “điểm nghẽn” về pháp luật đang cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Theo đó, các khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật phải là nguyên nhân chính gây kìm hãm, cản trở, ách tắc phát triển kinh tế - xã hội, được xác định theo một trong 03 tiêu chí sau:

(1) Quy định mâu thuẫn, chồng chéo trong cùng một văn bản quy phạm pháp luật hoặc giữa các văn bản quy phạm pháp luật.

(2) Quy định của văn bản quy phạm pháp luật không rõ ràng, không hợp lý, không khả thi, gây khó khăn trong áp dụng, thực hiện pháp luật.

(3) Quy định của văn bản quy phạm pháp luật tạo gánh nặng chi phí tuân thủ; hạn chế việc đổi mới, sáng tạo, phát triển mô hình kinh doanh mới, khơi thông nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hội nhập quốc tế.

***2.2. Về nguyên tắc xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật (Điều 3)***

Nhằm bảo đảm tính thống nhất, minh bạch và hiệu lực của hệ thống pháp luật, Điều 3 dự thảo Nghị quyết quy định về các nguyên tắc khi xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật. Các nguyên tắc này đóng vai trò định hướng cho quá trình sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật để xử lý khó khăn, vướng mắc, tránh tình trạng xử lý tùy tiện, chồng chéo, gây khó khăn trong thực thi; đồng thời, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp, cũng như giảm thiểu rủi ro và chi phí tuân thủ. Cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, bảo đảm thể chế hóa đầy đủ, đúng đắn, kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng. Nguyên tắc này nhằm bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng pháp luật.

*Thứ hai*, kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; phòng, chống lợi ích nhóm, cục bộ trong quá trình xử lý các khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật. Nguyên tắc này được quy định trên cơ sở thể chế hóa Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật và có ý nghĩa quan trọng, giúp hạn chế tình trạng lạm quyền hoặc giải quyết vướng mắc theo hướng có lợi cho một nhóm lợi ích nhất định, góp phần bảo đảm kỷ luật, kỷ cương trong tổ chức thi hành pháp luật.

*Thứ ba*, việc xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật phải nhanh chóng, kịp thời, có trọng tâm, trọng điểm các vấn đề cấp bách của thực tiễn, đưa pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh. Theo đó, việc xử lý những vướng mắc này cần được thực hiện một cách nhanh chóng, kịp thời, không để kéo dài, gây ách tắc, cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh hay quản lý. Đồng thời, việc xử lý được thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, tập trung vào những vấn đề cấp bách, có tác động trực tiếp và mạnh mẽ đến thực tiễn, từ đó đưa pháp luật thành lợi thế cạnh tranh.

*Thứ tư*, không trái với các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Nguyên tắc này được xây dựng trên cơ sở quy định của Hiến pháp năm 2013 và Luật Điều ước quốc tế. Nếu việc xử lý khó khăn, vướng mắc dẫn đến ban hành quy định trái với điều ước quốc tế thì quy định đó có thể không có hiệu lực hoặc phải bị đình chỉ, sửa đổi, Việt Nam có thể bị khiếu kiện quốc tế (ví dụ: cơ chế giải quyết tranh chấp trong CPTPP hoặc EVFTA), ảnh hưởng uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế, làm mất lòng tin của nhà đầu tư, làm giảm năng lực cạnh tranh quốc gia.

*Thứ năm*, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp, đặc biệt là các quyền tự do kinh doanh, quyền sở hữu tài sản và quyền tự do hợp đồng; không tăng trách nhiệm cho người dân và doanh nghiệp. Nguyên tắc này được xây dựng trên cơ sở quy định của Hiến pháp năm 2013 (Điều 14, 32, 33, 57) về các quyền sở hữu, quyền tự do kinh doanh, tự do hợp đồng – đây là các quyền mang tính chất nền tảng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt, trên tinh thần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm phục vụ, việc xử lý các vướng mắc này phải theo hướng tháo gỡ, hỗ trợ mà không được tạo thêm nghĩa vụ, chi phí, rào cản cho người dân, doanh nghiệp.

*Thứ sáu,* các khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật nếu có thể xử lý được bằng hình thức giải thích hoặc hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 60, Điều 61 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì ưu tiên áp dụng hình thức đó. Thực tế cho thấy, khi gặp vướng mắc trong quá trình áp dụng pháp luật, không phải lúc nào cũng cần phải sửa đổi, bổ sung, hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới. Trong nhiều trường hợp, những vướng mắc đó xuất phát từ quy định chưa rõ ràng, đa nghĩa, khó hiểu, hoặc có nhiều cách hiểu, cách vận dụng khác nhau, gây lúng túng cho cơ quan thực thi và người dân. Khi đó, nếu có thể giải thích hoặc hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật thì nên ưu tiên sử dụng hình thức đó, nhằm giúp các cơ quan, tổ chức có liên quan hiểu và áp dụng đúng quy định, bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật, giúp xử lý nhanh các vấn đề thực tiễn và không tốn kém chi phí, nhân lực để sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật.

***2.3. Về phương án xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật (Điều 4)***

Trên cơ sở các khó khăn, vướng mắc được xác định tại Điều 2 và nguyên tắc xử lý tại Điều 3 của dự thảo Nghị quyết, Điều 4 quy định về các phương án xử lý khó khăn, vướng mắc. Cụ thể:

a) Các khó khăn, vướng mắc do quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội phải được xử lý theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Đây là phương án xử lý chung, ưu tiên thực hiện để đảm bảo tính ổn định, thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Tuy nhiên, để đảm bảo tính linh hoạt, kịp thời tháo gỡ những “điểm nghẽn” trong thời gian luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa được sửa đổi, bổ sung theo phương án này, dự thảo nghị quyết quy định phương án xử lý đặc biệt theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 4, cụ thể:

- Chính phủ được ban hành nghị quyết quy phạm pháp luật để điều chỉnh một số quy định có liên quan tại luật, nghị quyết của Quốc hội do Chính phủ trình, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trong trường hợp nội dung sửa đổi, bổ sung dẫn đến đồng thời phải sửa đổi, bổ sung các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội không do Chính phủ trình thì việc ban hành nghị quyết của Chính phủ quy định tại khoản này phải xin ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Đối với các khó khăn, vướng mắc do quy định tại luật, nghị quyết của Quốc hội không do Chính phủ trình và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành nghị quyết để điều chỉnh một số quy định đang được quy định trong các điều, khoản, điểm có liên quan tại luật, nghị quyết của Quốc hội, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Việc quy định phương án xử lý “đặc biệt” tại khoản 2 và khoản 3 Điều này là một giải pháp tình thế nhưng cần thiết, có tính linh hoạt cao, nhằm tránh tình trạng “chờ sửa luật”, gây ách tắc hoạt động quản lý, đầu tư, kinh doanh và ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội. Cơ chế này không phải là mới mà đã có tiền lệ và được quy định trong một số văn bản như Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, dự thảo Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, dự thảo Luật Năng lượng nguyên tử... Tuy nhiên, các quy định hiện hành chủ yếu giới hạn trong một số lĩnh vực cụ thể như tổ chức bộ máy, phân quyền, phân cấp hoặc khoa học công nghệ, năng lượng nguyên tử mà chưa bao quát hết các lĩnh vực ưu tiên, cấp bách khác.

Do đây là phương án xử lý “đặc biệt” nên dự thảo Nghị quyết quy định các nghị quyết ban hành phải được đánh số, ký hiệu riêng để phân biệt với các nghị quyết thông thường khác, bảo đảm thuận tiện cho theo dõi và xử lý các vấn đề liên quan phát sinh trong tổ chức thi hành.

Việc ban hành nghị quyết của Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong các trường hợp trên nhằm xử lý tạm thời trong những trường hợp cấp bách, khi chưa kịp thời sửa đổi, bổ sung luật, nghị quyết của Quốc hội, không phải thay thế quy trình lập pháp chính thức, để tránh nguy cơ “tạm thời nhưng kéo dài”, dự thảo Nghị quyết ấn định thời điểm hết hiệu lực của các nghị quyết này là trước ngày 01/3/2027. Quy định này sẽ tạo cơ sở để các cơ quan liên quan khẩn trương chuẩn bị sửa đổi, bổ sung luật, nghị quyết của Quốc hội một cách đầy đủ, bài bản.

b) Đối với các khó khăn, vướng mắc do quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác không phải là luật, nghị quyết của Quốc hội thì cơ quan ban hành văn bản phải sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền.

***2.4.******Về quy trình xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật (Điều 5)***

Trên cơ sở các phương án xử lý khó khăn, vướng mắc được quy định tại Điều 4 dự thảo Nghị quyết, Điều 5 dự thảo Nghị quyết quy định quy trình xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật. Đây là vấn đề quan trọng, để vừa bảo đảm tính linh hoạt nhưng cũng bảo đảm chặt chẽ, vừa đáp ứng yêu cầu khẩn trương nhưng phải rõ trách nhiệm của các chủ thể, nhất là cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật để xử lý khó khăn, vướng mắc, dự thảo Nghị quyết quy định quy trình xử lý khó khăn, vướng mắc như sau:

*Bước 1: Xác định khó khăn, vướng mắc*

 Cơ quan ban hành hoặc cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm nghiên cứu chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền, kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân, rà soát, xác định khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật và phương án sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật để xử lý khó khăn, vướng mắc theo nguyên tắc quy định tại Nghị quyết này.

*Bước 2: Xử lý khó khăn, vướng mắc*

Việc xử lý khó khăn, vướng mắc được phân loại tương ứng với từng phương án xử lý được quy định tại Điều 4 của dự thảo Nghị quyết. Theo đó, dự thảo Nghị quyết quy định cụ thể tại Nghị quyết này quy trình riêng để xây dựng, ban hành nghị quyết của Chính phủ nhằm xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội (quy trình này độc lập với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật); đối với quy trình xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật còn lại để xử lý khó khăn, vướng mắc, dự thảo Nghị quyết dẫn chiếu quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Cụ thể như sau:

*2.4.1. Trường hợp Chính phủ ban hành nghị quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của dự thảo Nghị quyết*

*a) Về trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành nghị quyết*

- Cơ quan chủ trì soạn thảo xây dựng hồ sơ dự thảo nghị quyết gửi Bộ Tư pháp để thành lập Hội đồng thẩm định độc lập thẩm định trước khi trình Chính phủ, đồng thời đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của cơ quan chủ trì soạn thảo và Cổng Pháp luật quốc gia. Hồ sơ gồm: dự thảo tờ trình; dự thảo nghị quyết; bản so sánh quy định của dự thảo nghị quyết với các quy định hiện hành; danh mục các luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và điều, khoản cụ thể có liên quan cần sửa đổi, bổ sung để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ; báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của các bộ, ngành có liên quan (nếu có).

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ dự thảo nghị quyết, Hội đồng thẩm định độc lập có trách nhiệm thẩm định văn bản *(cơ chế thẩm định của Hội đồng xin xem cụ thể tại điểm b Mục này)*.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Hội đồng, cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo nghị quyết gồm các tài liệu quy định tại điểm a khoản này, báo cáo thẩm định và báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định, trình Chính phủ xem xét, thông qua.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự thảo nghị quyết quy định tại khoản này, Chính phủ xem xét, thông qua.

*b) Về cơ chế thẩm định nghị quyết*

Việc ban hành nghị quyết của Chính phủ để điều chỉnh một số quy định có liên quan tại luật, nghị quyết của Quốc hội là giải pháp tình thế đặc biệt, có tính chất “vượt khung”, do đó, cần thiết phải có Hội đồng thẩm định độc lập để đánh giá kỹ lưỡng, khách quan, đa chiều và bảo đảm hiệu quả của phương án này trong thực tiễn. Hội đồng thẩm định độc lập chính là bộ lọc kiểm soát quyền lực hiệu quả, giúp ngăn chặn nguy cơ lạm dụng cơ chế xử lý khó khăn, vướng mắc để ban hành nghị quyết của Chính phủ sửa đổi, bổ sung luật, nghị quyết của Quốc hội.

Theo đó, dự thảo Nghị quyết quy định về việc thành lập Hội đồng thẩm định độc lập và có cơ chế hoạt động đặc biệt hơn so với quy định về thẩm định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, cụ thể:

- Hội đồng thẩm định độc lập do Bộ trưởng Bộ Tư pháp thành lập với thành phần gồm: Chủ tịch Hội đồng là Lãnh đạo Bộ Tư pháp, thành viên Hội đồng là đại diện Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Khoa học và Công nghệ (đây là các thành phần bắt buộc theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về thẩm định), Văn phòng Chính phủ, các cơ quan có liên quan của Quốc hội, Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam. Căn cứ nội dung của dự thảo nghị quyết, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định việc mời đại diện các bộ, cơ quan ngang bộ, chuyên gia, nhà khoa học và cơ quan, tổ chức khác tham gia Hội đồng thẩm định độc lập.

Việc xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật là nhiệm vụ cấp bách, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, với trọng trách lớn thuộc về Quốc hội, các cơ quan Quốc hội và Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương. Đặc biệt, việc ban hành nghị quyết của Chính phủ để xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội thường có tác động lớn, liên quan đến nhiều lĩnh vực, nhiều đối tượng và cơ quan. Do đó, Hội đồng cần có sự tham gia của các bộ, ngành cũng như các cơ quan của Quốc hội, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, chuyên gia, nhà khoa học nhằm tăng cường, chia sẻ, cộng đồng trách nhiệm của các cơ quan vào quá trình xử lý khó khăn, vướng mắc; góp phần đánh giá chính xác, khách quan, toàn diện việc xác định khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật cũng như nội dung sửa đổi, bổ sung các luật, nghị quyết của Quốc hội trong dự thảo nghị quyết của Chính phủ. Đặc biệt, sự tham gia của các cơ quan có liên quan của Quốc hội, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vào Hội đồng thẩm định độc lập này còn góp phần kiểm soát quyền lực từ bên ngoài bộ máy hành pháp, làm tăng tính minh bạch, khách quan của hoạt động thẩm định cũng như quy trình xây dựng, ban hành nghị quyết của Chính phủ.

Bộ Tư pháp là cơ quan Thường trực của Hội đồng thẩm định độc lập. Hội đồng thẩm định độc lập được sử dụng con dấu của Bộ Tư pháp.

- Về Quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định độc lập, xuất phát từ thành phần tham gia Hội đồng thẩm định độc lập, khoản 6 Điều 5 dự thảo Nghị quyết quy định Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng.

- Về nội dung thẩm định: Xuất phát từ bản chất Nghị quyết được ban hành trong thời gian chờ luật, nghị quyết của Quốc hội và một số trường hợp là pháp lệnh, nghị quyết của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội được sửa đổi, do đó, nội dung thẩm định trong trường hợp này sẽ có yêu cầu cao hơn so với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, gồm: tiêu chí, nguyên tắc, phương án xử lý khó khăn, vướng mắc theo quy định tại Nghị quyết này và các nội dung thẩm định quy định tại điểm a, b, d, đ và e khoản 4 Điều 34 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Về Báo cáo thẩm định: Báo cáo thẩm định phải thể hiện rõ dự thảo nghị quyết đủ hoặc chưa đủ điều kiện trình Chính phủ; việc tham gia ý kiến thẩm định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Khoa học và Công nghệ, Văn phòng Chính phủ, các cơ quan của Quốc hội có liên quan, Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam. Trường hợp báo cáo thẩm định kết luận dự thảo nghị quyết chỉ đủ điều kiện trình Chính phủ sau khi tiếp thu, hoàn thiện thì báo cáo thẩm định phải nêu rõ nội dung, yêu cầu tiếp thu, hoàn thiện. Báo cáo thẩm định được gửi đến bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì soạn thảo.

Trường hợp dự thảo nghị quyết chưa đủ điều kiện trình Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu chỉnh lý dự thảo và gửi hồ sơ dự thảo nghị quyết đến Bộ Tư pháp để tổ chức Hội đồng thẩm định độc lập thẩm định lại.

Đồng thời với việc trao quyền linh hoạt cho Chính phủ, dự thảo Nghị quyết cũng quy định rõ cơ chế kiểm soát và giám sát nhằm tránh lạm dụng trong quá trình thực hiện. Theo đó, bên cạnh cơ chế thẩm định độc lập như trên, dự thảo Nghị quyết quy định Chính phủ có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội tại phiên họp, kỳ họp gần nhất về việc ban hành nghị quyết để điều chỉnh luật, nghị quyết của Quốc hội nhằm xử lý khó khăn, vướng mắc. Điều này bảo đảm tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và kiểm soát quyền lực trong việc xử lý các vấn đề phát sinh từ quy định của pháp luật.

*2.4.2. Trường hợp xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc khoản 3 và khoản 4 Điều 4 của dự thảo Nghị quyết*

Việc xây dựng, ban hành nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để xử lý khó khăn, vướng mắc trong các luật, nghị quyết của Quốc hội không do Chính phủ trình và các văn bản quy phạm pháp luật còn lại được thực hiện theo thủ tục rút gọn quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

*2.4.3. Trường hợp cần xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong trường hợp đặc biệt thì báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định tại Điều 52 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật*.

***2.5. Về tổ chức thực hiện Nghị quyết (Điều 6)***

Để xác định các khó khăn, vướng mắc và phương án xử lý, Điều 6 dự thảo Nghị quyết quy định trách nhiệm tổ chức thực hiện cho các cơ quan như sau:

- Giao Chính phủ có trách nhiệm chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương các cấp nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật; thường xuyên rà soát các văn bản quy phạm pháp luật để xác định, xử lý khó khăn, vướng mắc theo quy định tại Điều 2, Điều 3, Điều 4 và Điều 5 của Nghị quyết này.

- Giao Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, Uỷ ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam, các cơ quan, tổ chức có liên quan, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm nâng cao hiệu quả công tác tổ chức văn bản quy phạm pháp luật; thường xuyên rà soát các văn bản quy phạm pháp luật để xử lý hoặc đề xuất xử lý theo thẩm quyền khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật theo quy định tại Nghị quyết này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; phối hợp với Chính phủ trong việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Tòa án, Viện kiểm sát, Kiểm toán nhà nước… là những thiết chế có vai trò then chốt trong việc áp dụng và thực thi pháp luật, vì vậy, để bảo đảm tính toàn diện trong việc xác định điểm nghẽn về thể chế, sự tham gia phối hợp của các cơ quan này với Chính phủ trong công tác rà soát sẽ góp phần phát hiện những khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật trong thực tiễn xét xử, kiểm sát, kiểm toán.

- Giao trách nhiệm cho các cơ quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình ưu tiên nguồn lực thực hiện việc rà soát, xác định khó khăn, vướng mắc, soạn thảo, thẩm định, thẩm tra các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật để xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật bảo đảm nhanh chóng, kịp thời. Xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật là công việc cấp bách và phức tạp, nếu không giải quyết kịp thời thì sẽ dẫn đến tình trạng ách tắc, cản trở sự phát triển về kinh tế - xã hội của đất nước. Do đó, cần xác định đây là nhiệm vụ cần làm ngay, làm quyết liệt và làm đến nơi đến chốn. Đây không chỉ là mục tiêu mà còn là mệnh lệnh chính trị đã được xác định tại Nghị quyết số 66-NQ/TW và kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại Phiên họp lần thứ nhất của Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật (ngày 05 tháng 6 năm 2025).

- Giao các cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản được điều chỉnh bởi văn bản quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết này trước ngày 01 tháng 3 năm 2027.

- Giao Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

- Để thực hiện nghiêm kỷ cương, kỷ luật, các quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí tiêu cực, “lợi ích nhóm” trong xây dựng và thi hành pháp luật; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu, khoản 6 Điều 6 dự thảo Nghị quyết quy định: Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 6 trực tiếp phụ trách, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về tiến độ rà soát, xác định, xử lý khó khăn, vướng mắc và chất lượng văn bản quy phạm pháp luật được ban hành hoặc tham mưu ban hành để xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý của cơ quan mình theo quy định tại Nghị quyết này.

- Nhằm thể chế hóa tinh thần Đại hội XIII, tại Kết luận số 14-KL/TW ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung, trong bối cảnh hiện nay, khi thời cơ, thuận lợi và nguy cơ, khó khăn, thách thức luôn đan xen, bên cạnh việc khuyến khích, động viên cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung để tạo sức mạnh lớn, góp phần vào thắng lợi của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, dự thảo Nghị quyết quy định: Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, người tham gia xây dựng Nghị quyết này và tham gia xác định, xử lý các khó khăn, vướng mắc theo quy định tại Nghị quyết này được xem xét loại trừ, miễn trách nhiệm trong trường hợp đã tuân thủ đầy đủ quy trình, quy định liên quan và không vụ lợi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn xảy ra thiệt hại.

- Theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, hiện nay, việc phân cấp, phân quyền được thực hiện một cách tối đa, tuy nhiên, trong công tác xác dựng pháp luật, việc phân cấp, uỷ quyền lập pháp cần có giới hạn để đảm bảo tính ổn định, thống nhất của hệ thống pháp luật. Do đó, dự thảo Nghị quyết quy định: việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 4 của Nghị quyết này không được phân cấp.

***2.6. Về điều khoản thi hành (Điều 7)***

- Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 và được thực hiện đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2027.

- Để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật dự thảo Nghị quyết quy định dẫn chiếu: (1) Việc xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật về sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, phân quyền, phân cấp đã được quy định tại Điều 32 của Luật Tổ chức Chính phủ, Điều 50 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước được thực hiện theo quy định tại các văn bản đó hoặc Nghị quyết này; (2) Việc xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, năng lượng nguyên tử đã được quy định tại Điều 74 của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và Điều 72 của Luật Năng lượng nguyên tử thì thực hiện theo quy định đó hoặc Nghị quyết này.

**3. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính**

Nội dung dự thảo Nghị quyết không trực tiếp quy định về thủ tục hành chính. Tuy nhiên, trên tinh thần đổi mới xây dựng pháp luật và chủ trương đơn giản hóa thủ tục hành chính, dự thảo Nghị quyết đưa ra một số quy định làm cơ sở cho việc xác định, xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật gắn với mục tiêu đơn giản hóa thủ tục hành chính. Cụ thể: Điều 2 dự thảo Nghị quyết quy định một trong các tiêu chí xác định khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật cần phải được tháo gỡ là “quy định của văn bản quy phạm pháp luật tạo gánh nặng chi phí tuân thủ” (khoản 3); Điều 3 dự thảo Nghị quyết quy định một trong các nguyên tắc xử lý khó khăn, vướng mắc là “bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp, đặc biệt là các quyền tự do kinh doanh, quyền sở hữu tài sản và quyền tự do hợp đồng; không tăng trách nhiệm cho người dân và doanh nghiệp” (khoản 5).

**4. Nội dung phân quyền, phân cấp**

Dự thảo Nghị quyết quy định phân quyền từ Quốc hội cho Chính phủ và Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua cơ chế cho phép Chính phủ ban hành nghị quyết quy phạm pháp luật để điều chỉnh một số quy định có liên quan tại luật, nghị quyết của Quốc hội do Chính phủ trình, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành nghị quyết để điều chỉnh một số quy định có liên quan tại luật, nghị quyết của Quốc hội không do Chính phủ trình trong thời gian luật, nghị quyết của Quốc hội chưa được sửa đổi, bổ sung để kịp thời xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội. Việc phân quyền này là cần thiết nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 66-NQ/TW, ý kiến chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm về việc nhanh chóng, kịp thời tháo gỡ những “điểm nghẽn” về pháp luật, khơi thông nguồn lực cho sự phát triển.

# **VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT**

**1.** Các nội dung quy định tại dự thảo Nghị quyết không phát sinh thủ tục hành chính; các quy định của dự thảo Nghị quyết không có nguy cơ gây bất bình đẳng giới sau khi được ban hành. Nội dung dự thảo Nghị quyết cũng không có quy định trái với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

**2.** Nguồn lực về tài chính và nhân lực bảo đảm việc thực hiện Nghị quyết sau khi được ban hành cơ bản được kế thừa nguồn lực có sẵn, không làm phát sinh mới bộ máy, con người để thực hiện. Tuy nhiên, để triển khai kịp thời, hiệu quả Nghị quyết, nhất là nội dung liên quan đến việc giao trách nhiệm rà soát, xử lý cụ thể đối với các văn bản quy phạm pháp luật sẽ phát sinh yêu cầu phải tập trung bố trí nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho hoạt động này. Do vậy, để thực hiện Nghị quyết, các cơ quan, người có thẩm quyền cần quan tâm, kịp thời bố trí kinh phí thỏa đáng cho hoạt động rà soát, xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật.

# **VII. THỜI GIAN DỰ KIẾN THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT**

Căn cứ khoản 2 Điều 26 và Điều 52 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Bộ Tư pháp kiến nghị Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến, đồng thời quyết định việc bổ sung vào Chương trình kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XV để Quốc hội xem xét, thông qua theo quy trình một kỳ họp trong trường hợp đặc biệt.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật, Bộ Tư pháp xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

(*Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị quyết; (2) Báo cáo thẩm định số 241 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tư pháp; (3) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định; (4) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân*).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên;- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);- Lưu: VT, Vụ CTXDVBQPPL (NVST). |  | **BỘ TRƯỞNG****Nguyễn Hải Ninh** |

1. Thông báo số 108-TB/VPTW ngày 18/11/2024 của Văn phòng Trung ương Đảng về kết luận của Đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với Ban cán sự đảng Bộ Tư pháp. [↑](#footnote-ref-1)
2. Văn bản số 15/CTQH ngày 29/10/2024 về việc đổi mới tư duy trong công tác xây dựng pháp luật [↑](#footnote-ref-2)
3. Văn bản số 868/TTg-TKBT ngày 25/10/2024 về việc đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện thể chế, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới [↑](#footnote-ref-3)
4. Ngày 09/6/2025, Bộ Tư pháp đã tổ chức cuộc họp với một số cơ quan có liên quan của Quốc hội (Ủy ban Pháp luật và Tư pháp, Ủy ban Kinh tế và Tài chính, Hội đồng Dân tộc), Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Vụ Pháp luật - Văn phòng Chính phủ, Lãnh đạo tổ chức pháp chế một số bộ, cơ quan ngang bộ, Sở Tư pháp thành phố Hà Nội. [↑](#footnote-ref-4)